QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT MIRAE ASSET VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số.: 452/2025/CV-MAFM	*Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To:* **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission***

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ/*Name of FMC*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

- Tên Quỹ /*Name of the Fund*: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT MIRAE ASSET VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại/*Tel*: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
- Email: mafmc@miraeasset.com website: http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/

2. **Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:**

Công bố thông tin Điều lệ Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt Mirae Asset (Việt Nam) sửa đổi lần thứ 2 được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên năm 2025 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 22/04/2025.

Disclosure of the 2nd amended charter of Mirae Asset Vietnam Flexible Fixed Income Fund, which was approved at the 2025 Annual General Meeting of Investors by the form of collecting investors' written opinion on 22nd April 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 23/04/2025 tại đường dẫn: http://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-maff /*This inforamtion was published on the company's/the Fund's website on 23/04/2025, as in the link:* http://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-maff /

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:
Điều lệ quỹ sửa đổi/ Amended Charter of the Fund.

Người công bố thông tin/ *Publisher*
Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện pháp luật

S.G.P: 36 - C.T.T.N
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠ QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
Q.NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Soh Jin Wook

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT MIRAE ASSET VIỆT NAM
(sửa đổi lần 2)

Ngày 22 Tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 6

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA 7

III. NỘI DUNG 9

Chương I 9

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 9

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ 9

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 9

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 9

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán 9

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ 9

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ 9

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát 10

Chương II 10

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 10

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 10

Điều 9. Chiến lược đầu tư 10

Điều 10. Hạn chế đầu tư 11

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ 12

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư 12

Chương III 12

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 12

Điều 13. Nhà Đầu Tư 12

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư 12

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư 14

Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ 14

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ 16

Điều 18. Giá phát hành, giá mua lại Đơn Vị Quỹ 17

Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ 18

Chương IV 18

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 18

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư 18

Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường 18

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư 18

Điều 23. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư 19
Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư 20
Chương V 20
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 20
Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ 20
Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ 21
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ 21
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ 22
Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ 22
Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ 22
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ 22
Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ 22
Chương VI 23
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 23
Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ 23
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ 23
Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ 26
Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ 26
Chương VII 28
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 28
Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát 28
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát 28
Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát 28
Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát 29
CHƯƠNG VIII 30
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 30
Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền 30
Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 30
Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 30
Điều 44. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 31
Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 31
Chương IX 31
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 31
Điều 46. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ 31

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối 32
Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ 32
Chương X 33
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 33
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán 33
Điều 50. Năm tài chính 33
Điều 51. Chế độ kế toán 33
Điều 52. Báo cáo tài chính 33
Điều 53. Báo cáo khác 34
Chương XI 34
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 34
Điều 54. Xác định giá trị tài sản ròng 34
Điều 55. Nguyên tắc, Quy trình và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 34
Điều 56. Quy trình định giá tài sản Quỹ 35
Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ 35
Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 36
Chương XII 36
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 36
Điều 59. Thu nhập của Quỹ 36
Điều 60. Các loại giá dịch vụ, phí do Nhà Đầu Tư trả 36
Điều 61. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả 38
Điều 62. Chi phí hoạt động của Qũy 40
Chương XIII 40
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ 40
Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập 40
Điều 64. Các điều kiện tách Quỹ 40
Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ 40
Chương XIV 41
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 41
Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ. 41
Chương XV 41
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 41
Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư 41
Điều 68. Sửa đổi, bổ sung điều lệ 41

Điều 69. Đăng ký điều lệ 42
Điều 70. Điều khoản thi hành 42
Phụ lục số 1.1 CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 43
Phụ lục số 1.2 CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 44
Phụ lục số 1.3 CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 45
Phụ lục số 1.4 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG 46

ĐIỀU LỆ QUỸ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019;

2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

4. Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ Về Xử Phạt Vi Phạm Hành Chính Trong Lĩnh Vực Chứng Khoán Và Thị Trường Chứng Khoán;

5. Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

6. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

7. Thông Tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

8. Thông Tư Số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính Hướng Dẫn Kế Toán Áp Dụng Đối Với Công Ty Quản Lý Quỹ;

9. Thông Tư Số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về Chế Độ Kế Toán Áp Dụng Đối Với Quỹ Mở;

10. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 20121 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

11. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;

12. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

13. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam" hay "Quỹ"	Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định của Điều Lệ Quỹ.
"Công ty TNHH quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)" hay "Công Ty Quản Lý Quỹ"	Là Công Ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018. Công Ty Quản Lý Quỹ được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam, có quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại Điều 34 Điều Lệ này.
"Ngân Hàng Giám Sát"	là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là BIDV Hà Thành), được thành lập theo Giấy phép thành lập số 0100150619-073 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này.
"Công ty kiểm toán"	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định.
"Điều Lệ Quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều Lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
"Bản Cáo Bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
"Hợp Đồng Giám Sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
"Nhà Đầu Tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại Diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn Điều Lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng Chỉ Quỹ"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
"Đơn Vị Quỹ"	Là Vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn Vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Giá Bán/Giá Phát Hành"	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Đơn Vị Quỹ. Giá Bán/Giá Phát Hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành đã quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ.
"Giá Mua Lại"	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Đơn Vị Quỹ. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Điều

	Lệ Quỹ.
"Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại Chứng Chỉ Quỹ, phát hành bổ sung Chứng Chỉ Quỹ theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm đóng sổ lệnh.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính; - Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; - Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
"Đại Lý Phân Phối"	Là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhân đăng ký hoạt đặng phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công Ty Quản Lý Quỹ.
"Đại lý ký danh"	Là đại lý phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sổ phụ.
"Người có liên quan"	Là các cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. NỘI DUNG

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh Hoạt Mirae Asset Việt Nam

Tên tiếng Anh (nếu có): Mirae Asset Vietnam Flexible Fixed Income Fund

Tên viết tắt: MAFF

Địa chỉ liên hệ: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
Website: http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính kể từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký thành lập Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quỹ không bị giới hạn thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, và các quy định của bản Điều Lệ này.

2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã phát hành cho Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư.

4. Ban Đại Diện Quỹ sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

5. Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) do Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là: 111.982.000.000 đồng (Một trăm mười một tỷ chín trăm tám mươi hai triệu đồng) đồng. Số vốn này được chia thành 11.198.200 (Mười một triệu một trăm chín mươi tám nghìn hai trăm) Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn Vị Quỹ là 10.000 (mười nghìn) đồng.

2. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Việt Nam Đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

3. Số lượng Đơn Vị Quỹ được phép lưu hành tối đa là không giới hạn, trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ huy động tối đa phải do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và phải thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Quỹ chỉ định Công Ty Quản Lý Quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng Chỉ Quỹ. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

- Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 56/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018
- Trụ sở chính: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
- Website: http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành, được thành lập theo Giấy phép thành lập số 0100150619-073 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này.

Văn phòng chính: Số 74 Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Điện thoại: 024.39411846, Fax: 024.39411847

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tạo ra lợi nhuận hấp dẫn, cạnh tranh hơn các sản phẩm thu nhập cố định khác cho Nhà Đầu Tư trên cơ sở linh hoạt kết hợp các nhóm sản phẩm thu nhập cố định có lợi suất hấp dẫn. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư chủ động: Quỹ chủ động đánh giá tổng thể về chính sách vĩ mô, triển vọng nền kinh tế, triển vọng của các ngành, triển vọng và sức khỏe tài chính của các doanh nghiệp – tổ chức phát hành để tìm kiếm và lựa chọn phân bổ các tài sản và danh mục đầu tư. Danh mục đầu tư Quỹ sẽ là sự kết hợp linh hoạt các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỉ lệ phù hợp và an toàn.

2. Lĩnh vực đầu tư

Quỹ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu (trái phiếu chính phủ; trái phiếu doanh nghiệp), giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư hợp lý giữa nhóm tài sản có thanh khoản cao và nhóm tài sản có thanh khoản vừa phải để tạo ra danh mục đầu tư có lợi suất cạnh tranh đồng thời đảm bảo thanh khoản hợp lý. Việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ cấu tỷ trọng theo ngành nghề thay đổi phụ thuộc vào thanh khoản của thị trường và tỷ trọng các khoản đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ.

3. Quỹ sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
đ) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán lần đầu ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:
- Đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

e) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với chiến lược và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ Quỹ và đã được công khai tại Bản Cáo Bạch.

2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

a. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

b. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d và đ khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;

d. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;

e. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

f. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

g. Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại điểm a, b, c, d, f Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;

c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ hoặc Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ điều chỉnh;

e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ như sau:

a) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tai điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện

ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện quy trình nghiên cứu, đánh giá, thẩm định đầu tư và áp dụng chiến lược đầu tư năng động trong việc quản lý Quỹ.

Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư. Các mô hình kỹ thuật thống kê sẽ được áp dụng nhằm hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý trong thời gian nhanh nhất.

Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có quyền:

a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ nắm giữ;

b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ (nếu có);
d) Khởi kiện Công ty quản lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
e) Được ứng cử và bầu vào Ban Đại Diện Quỹ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 Điều Lệ;
f) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
g) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
h) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
i) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
j) Quyền tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác)
k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ này.

2. Nhà Đầu Tư có các nghĩa vụ sau đây:
a) Chấp hành quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ;
c) Trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ này.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
   - Có căn cứ xác thực về việc Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
   - Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
   - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;
d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

4. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

2. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phải có các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát;

b) Tên đầy đủ của Quỹ;

c) Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán, tổng giá trị vốn huy động cho Quỹ;

d) Danh sách Nhà Đầu Tư bao gồm các thông tin:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư; số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;

e) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài);

f) Số lượng Đơn Vị Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

g) Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ chính.

4. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, đảm bảo tối thiểu 02 lần trong 01 tháng.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày vào các ngày làm việc hàng tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu, không bao gồm các ngày nghỉ lễ, các ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, nghỉ bù thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ, trừ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có thông báo khác. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại lý phân phối, và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng

3. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Đại Lý Chuyển Nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư vào sổ chính và Nhà Đầu Tư sẽ nhận được bản xác nhận giao dịch theo quy định pháp luật từ Đại Lý Phân Phối. Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), sau Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, nếu Đại Lý Phân Phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch.

4. Lệnh mua

a) Lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã

nhận đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát. Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ được thanh toán qua hình thức chuyển từ tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu Tư, tài khoản chứng khoán của Nhà Đầu Tư tại Đại Lý Phân Phối. Trường hợp lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi. Phí dịch vụ chuyển tiền do Nhà Đầu Tư trả.

b) Giá trị mua tối thiểu cho các lần mua Chứng Chỉ Quỹ là một triệu (1.000.000) đồng.

c) Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác số tiền ghi trên Lệnh mua và không thấp hơn số tiền mua tối thiểu được quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và đã được công khai tại Bản Cáo Bạch, số lượng Đơn Vị Quỹ được phân phối căn cứ trên Lệnh mua.

d) Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng Chỉ Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

e) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

$$\textbf{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\textbf{Số tiền đăng ký mua x (1- Giá Dịch Vụ phát hành (\%))}}{\textbf{NAV một Đơn Vị Quỹ tại ngày giao dịch}}$$

f) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

g) Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

(i) Lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

(ii) Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ được thanh toán trước 17:00 giờ ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng Nhà Đầu Tư không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại Lý Phân Phối hoặc không đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ qua phương thức giao dịch điện tử.

(iii) Đến 17:00 giờ ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà Đầu Tư.

(iv) Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định hoặc số tiền đăng ký trong lệnh mua.

(v) Lệnh đặt mua thiếu thông tin như được quy định trong Bản Cáo Bạch.

Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng Chỉ Quỹ sẽ được trả vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký trong Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất trừ trường hợp Nhà Đầu Tư yêu cầu số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo gửi tới Đại lý phân phối và được Đại lý phân phối xác nhận giữ lại tiền. Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

5. Lệnh bán

a) Nhà Đầu Tư đặt bán bằng số lượng Đơn Vị Quỹ muốn bán.
b) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư là 100 Chứng Chỉ Quỹ.
c) Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được được tính theo công thức sau:

(i) Giá trị bán được nhận = Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại x NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Giao Dịch x (1- giá dịch vụ mua lại (%))

(ii) Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Giá Trị Bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có)

(iii) Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

d) Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17.

e) Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Nhà Đầu Tư đăng ký tại "*Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở*" chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ này. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng

f) Các trường hợp bán không hợp lệ tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

(i) Lệnh bán được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

(ii) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu.

g) Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, hoặc các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

6. Lệnh chuyển đổi

a) Nhà Đầu Tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở khi Công Ty Quản Lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

b) Nhà Đầu Tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu. Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với Chứng Chỉ Quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng.

c) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi Quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà Đầu Tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối. Nhà Đầu Tư thanh toán Giá Dịch Vụ chuyển đổi, phí dịch vụ chuyển tiền, và thuế (nếu phát sinh) mà không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại trên số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá Dịch Vụ chuyển đổi được quy định tại Bản Cáo Bạch.

d) Nhà Đầu Tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển phụ thuộc vào thời gian xác nhận giao dịch của quỹ mục tiêu.

e) Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại Điều 17 dưới đây.

f) Các trường hợp chuyển đổi không hợp lệ tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

(i) Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

(ii) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu.

7. Việc đầu tư Chứng Chỉ Quỹ theo Chương trình Đầu tư định kỳ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

8. Thời điểm đóng sổ lệnh:

a) Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

b) Thời điểm đóng sổ lệnh: được công bố công khai tại Bản Cáo Bạch như sau: 11h sáng (giờ Việt Nam) tại Ngày giao dịch gần nhất của Sở giao dịch chứng khoán trước Ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ (ngày T-1).

9. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo Điều Lệ này.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư cho đến khi Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng.

c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:

(i) Tính thanh khoản của thị trường thấp;

(ii) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Đối với trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được thực hiện vào kỳ sau cùng với các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới và thực hiện theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Chi tiết việc thực hiện một phần của lệnh bán, lệnh chuyển đổi đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

4. Chứng Chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

c) Các sự kiện khác do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xét thấy là cần thiết.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất.

7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Giá phát hành, giá mua lại Đơn Vị Quỹ

1. Giá phát hành lần đầu ra công chúng của một Đơn Vị Quỹ bằng mệnh giá của Đơn Vị Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có).

2. Giá phát hành một Đơn Vị Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, cộng với Giá dịch vụ Phát hành (nếu có).

3. Giá mua lại một Đơn Vị Quỹ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).

4. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức Giá dịch vụ cụ thể sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối (nếu có) hoặc dưới các hình thức khác. Giá dịch vụ phát hành không đươc vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.

5. Các giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Phần thanh toán cho Đại Lý Phân Phối sẽ được tính trên Hợp đồng Đại Lý Phân Phối được ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (thông qua hình thức gửi thư bằng văn bản, gửi qua fax hoặc qua thư điện tử) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác trên cơ sở nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ.

3. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;

b) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;

c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

d) Phương án phân phối lợi tức;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.

f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;

h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.

Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tính tới thời điểm triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư;

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, thông báo công khai cho Nhà Đầu

Tư. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

2. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Nhà Đầu Tư tham dự.

5. Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp buộc phải họp tập trung để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề được quy định tại điểm b và c khoản 3 của Điều 20 của Điều Lệ Quỹ.

b) Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra sẽ chủ trì.

c) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

6. Trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:

a) Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;

b) Phát hành phiếu lấy ý kiến với các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Nhà Đầu Tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

c) Gửi phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu có liên quan đến tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền dự họp Đại Hội Nhà Đầu Tư tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;

d) Lập ban kiểm phiếu để tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác.

3. Trừ trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.

5. Đối với các nội dung quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều 20 Điều lệ này, Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư khi được số Nhà

Đầu Tư đại diện cho trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Những quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy. Đồng thời, trong trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

7. Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc trong thời hạn bảy (07) ngày sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân Hàng Giám Sát và cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 20 có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư, và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản, đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ có ba (03) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% tổng số Chứng Chỉ Quỹ trở lên có quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Việc đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ được thực hiện như sau:

(i) Các Nhà Đầu Tư hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ phải thông báo về việc họp nhóm cho các Nhà Đầu Tư dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Nhà Đầu Tư;

(ii) Căn cứ số lượng thành viên Ban Đại Diện, Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại điểm này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư làm ứng cử viên Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp số ứng cử viên được Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư thì số ứng cử viên còn lại do Ban Đại Diện và các Nhà Đầu Tư khác đề cử.

2. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

3. Ban Đại Diện Quỹ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại tại Đại Hội Nhà Đầu Tư tiếp theo.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện, thành viên Ban Đại Diện nếu không thể tham dự trực tiếp thì có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện công bố thông tin việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong vòng 24h kể từ khi thay đổi có hiệu lực. Đồng thời trong thời hạn 10 ngày, Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và gửi danh sách Ban Đại Diện Quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

3. Chủ tịch, Phó chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là người có trình độ quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn, đồng thời am hiểu công việc kinh doanh của Quỹ.

4. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện Quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.

2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, các tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này;

3. Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này;

4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;

5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại khoản b, c, d, e, f, g, và h Điều 20 Điều Lệ này

7. Có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

8. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

d) Ban hành thông báo việc miễn nhiệm, bãi nhiệm như quy định tại khoản 1 Điều 31 của Điều Lệ.

Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều Lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

c) Bị khởi tố hoặc truy tố;

d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Ban Đại Diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Quỹ. Trường hợp này, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Điều Lệ;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước một (01) ngày.

2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ có thể thực hiện thông qua họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% thành viên dự họp trở lên), bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban Đại Diện Quỹ tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban Đại Diện Quỹ không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số (trên 50%) số thành viên dự họp trở lên và đa số (trên 50%) số thành viên độc lập trở lên thông qua.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được quyền tham dự cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ và rõ ràng vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

7. Chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại Diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn pháp đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý quỹ.

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.

3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ.

4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được quy định tại Phụ lục 1.1 và Phụ lục 1.3 của Điều lệ này.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác.

b) Công Ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách trung thực và công bằng cho Quỹ và lợi ích của Nhà Đầu Tư sở hữu Đơn Vị Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình kể cả trong trường hợp không tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có đủ năng lực và được cơ cấu hợp lý để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư sở hữu Đơn Vị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

(i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát;

(ii) Lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát;

(iii) Trường hợp đầu tư tiền gửi và công cụ thị trường tiền tệ cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát;

(iv) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ: công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản

gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

(v) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công Ty, tài sản của khách hàng ủy thác do Công Ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký các tài sản đó;

(vi) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.

(vii) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;

(viii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, phải có kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Trường hợp người điều hành quỹ chưa có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, danh mục đầu tư của Quỹ cũng không được có chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ đã được công khai tại Bản Cáo Bạch.

d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

e) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu Tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

f) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.

g) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.

h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.

i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, phải

dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và khách hàng ủy thác.

k) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ bộ đạo đức nghề nghiệp của công ty là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và người lao động trong công ty.

l) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

m) Công Ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điểm l Khoản này.

n) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng, nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, cụ thể:
   (i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng.
   (ii) Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
   (iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
   (iv) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản và phải đảm bảo các quy định tại khoản 6, Điều 10 Điều Lệ này.

p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
   (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ; và
   (ii) Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

   Quy định này không áp dụng nếu Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm quỹ được thành lập, và/hoặc tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ thấp hơn 300 tỷ đồng.

q) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

r) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

s) Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1.1 và Phụ lục 1.3 của Điều Lệ này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau đây:

a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 37 Điều Lệ này;

b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ uỷ quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;

f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;

i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

b) Theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư Quỹ;

c) Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;

d) Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Quỹ hết thời gian hoạt động;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ: Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.0%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ, nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo các phương thức được quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán các tài sản trong danh mục tài sản của Quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, giá giao dịch, phương thức xác định giá giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).

4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch của cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

5. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.

6. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;

b) Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

e) Việc đầu tư của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định về pháp luật của quỹ đầu tư chứng khoán;

f) Không được đưa ra nhận định hoặc cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:

   (i) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hành ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

   (ii) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

9. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban tổng giám đốc, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động của Quỹ và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.
4. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban tổng giám đốc, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
5. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
6. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1.2 và Phụ Lục 1.3 của Điều Lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát:

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư Quỹ;
b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;
e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;
f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;
k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ Quỹ.
l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.
m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát:

a) Hưởng phí dịch vụ như được quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Hợp Đồng Giám Sát và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
b) Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng; kiểm tra, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ.

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý,khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

e) Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó;

f) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.

g) Xác nhận các báo cáo về Giá Trị Tài Sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.

2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ.

4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ sẽ chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;

c) Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ sẽ chuyển giao sang Ngân Hàng Giám Sát khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức được lựa chọn phải là tổ chức được pháp luật cho phép cung cấp dịch vụ đó. Đồng thời, các tổ chức này phải đáp ứng đủ các điều kiện về tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu. Nhân sự cung cấp dịch vụ phải có kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên để đạt đến các tiêu chuẩn quốc tế chuyên nghiệp tốt nhất.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng theo các quy định của pháp luật.

3. Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp được với đại lý phân phối và nhà đầu tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với đại lý phân phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư sở hữu Đơn Vị Quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý phân phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền, và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với pháp luật và hợp đồng đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

(i) Ghi nhận kế toán giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;

(ii) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;

(iii) Xác định NAV của Quỹ; NAV trên một Đơn Vị Quỹ phù hợp với pháp luật và Điều Lệ này;

(iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

(i) Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;

(ii) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có

(iii) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;

(iv) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;

(v) Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

(vi) Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

(vii) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn mà pháp luật yêu cầu. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;

8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
e) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
f) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
g) Quỹ bị giải thể;
h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 46. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhân đăng ký hoạt đặng phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng , cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng

phân phối chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với công ty quản lý quỹ...

2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ . Việc phân phối chứng chỉ quỹ chỉ được thực hiện tại các địa điểm đã đăng ký.

3. Tại mỗi địa điểm có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.

5. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế và bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.

2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư.

3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.

4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.

6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán

Công Ty Kiểm Toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu Tư công ty kiểm toán đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều này để kiểm toán cho Quỹ.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm tiếp theo.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ.

2. Phù hợp với quy định tại Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.

3. Báo cáo tài chính bán niên/Các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 53. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

3. Trong ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp các quy định tại Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.

5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ một tuần một lần và hằng tháng và phải được thông báo công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 55. Nguyên tắc, Quy trình và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định vào các **Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ**. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, nghỉ bù thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

2. Phương pháp xác định:

a) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
b) Giá Trị Tài Sản Ròng của một Đơn Vị Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Giá Trị Tài Sản Ròng của một Đơn Vị Quỹ có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

c) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được quy định trong 'Sổ tay định giá' do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát, cụ thể được xác định theo phương thức quy định tại Phụ lục 1.4 của Điều Lệ.

Điều 56. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Trước ngày định giá:

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

a) Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
b) Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
c) Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ sẽ được khi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
d) Các nghiệp vụ phát hành thêm/ mua lại chứng chỉ Quỹ phát sinh sau ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của kỳ trước;

2. Tại ngày định giá:

a) Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu.... tính đến ngày trước ngày định giá;
b) Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ,... tính đến ngày trước ngày định giá;
c) Đối chiếu số dư tiền mặt tại ngân hàng lưu ký giám sát;
d) Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở SGDCK Hà Nội, Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước ngày định giá;
e) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại điều 55 Điều Lệ này.

3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

4. Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi Chứng Chỉ Quỹ. Trường hợp bị đánh giá sai bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 0.75% giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư theo trình tự sau:

a) Xác định lại giá trị tài sản ròng tại các kỳ định giá sai vượt mức;

b) Xác định các khoản đền bù cho quỹ, nhà đầu tư tại các kỳ định giá sai. Công ty quản lý quỹ không phải đền bù cho những nhà đầu tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của công ty quản lý quỹ phải được đưa vào quỹ, trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác;

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

c) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;

d) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá; và

b) Không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

2. Việc thay đổi tổ chức cung cấp báo giá sẽ được thực hiện khi có một trong số các tiêu chí sau:

a) Tổ chức cung cấp báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;

b) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;

c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Chương XII

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 59. Thu nhập của Quỹ

1. Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau đây:

a) Cổ tức;

b) Lãi trái phiếu;

c) Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi;

d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;

e) Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi: (i) Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; (ii) ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ Quỹ).

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

5. Nhà Đầu Tư có trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("**Ngày Chốt Danh Sách**") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

6. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ);

b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn Vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ);

d) Giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Điều 60. Các loại giá dịch vụ, phí do Nhà Đầu Tư trả

1. Giá dịch vụ phát hành Chứng Chỉ Quỹ

a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng Chỉ Quỹ.

b) Chính sách Giá Dịch Vụ Phát Hành có thể thay đổi theo từng thời kỳ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc dưới các hình thức khác.

c) Giá dịch vụ phát hành được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối.

d) Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ phát hành trong một khoảng thời gian cố định, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ có thông tin cụ thể và thông báo cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của công ty và các đại lý phân phối, hoặc thông báo theo các quy định của pháp luật.

e) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Giá dịch vụ mua lại

a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi bán một Đơn Vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, sau khi Quỹ được chuyển đổi. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi Quỹ thanh toán cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.

b) Chính sách Giá Dịch Vụ Mua Lại có thể thay đổi theo từng thời kỳ do công Ty Quản Lý Quỹ quyết định, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới hình thức khác.

c) Thời gian nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc "mua trước bán trước".

d) Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ mua lại trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và các đại lý phân phối, hoặc thông báo theo các quy định của pháp luật.

e) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

3. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các Chứng Chỉ Quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý

a) Nhà Đầu Tư phải trả giá dịch vụ chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ khi Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ giữa các Chứng Chỉ Quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ được thành lập.

b) Nhà Đầu Tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại Chứng Chỉ Quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại Chứng Chỉ Quỹ.

c) Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

d) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng

a) Là Giá Dịch Vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký thực hiện các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như cho, biếu, tặng, thừa kế...

b) Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng là 200.000 VNĐ/ một lần chuyển nhượng.

5. Giá Dịch Vụ khi tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ

a) Là mức Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các Đơn Vị Quỹ theo Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ.

b) Giá Dịch Vụ Phát Hành trong chương trình đầu tư định kỳ: **Miễn phí**

c) Giá Dịch Vụ rời Chương Trình: Trong trường hợp Nhà Đầu Tư chấm dứt chương trình, hoặc bán Chứng Chỉ Quỹ, hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác trong vòng một (01) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình, Nhà Đầu Tư sẽ phải chịu thêm 0,1% (không phẩy một phần trăm) giá trị bán/giá trị chuyển đổi của quỹ bị chuyển đổi ngoài mức Giá Dịch Vụ Mua Lại/Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi thông thường. Giá Dịch Vụ phí rời Chương Trình được xác định tại thời điểm Nhà Đầu Tư chấm dứt Chương Trình và được thanh toán khi Nhà Đầu Tư bán số lượng Chứng Chỉ Quỹ đó.

d) Trường hợp Nhà Đầu Tư chuyển nhượng phi thương mại Chứng Chỉ Quỹ, Giá Dịch Vụ rời Chương Trình sẽ áp dụng tại thời điểm chuyển nhượng. Chứng Chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng sẽ trở thành Chứng Chỉ Quỹ thông thường và người nhận chuyển nhượng có thể tự do giao dịch số Chứng Chỉ Quỹ này.

Điều 61. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ. Giá Dịch Vụ quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
b) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là 0,8% * NAV/năm.
c) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
   - Giá Dịch Vụ Quản Lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ * NAV tại ngày định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

d) Tổng Giá Dịch Vụ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá Dịch Vụ Quản Lý trong tháng được xác định như sau:
   - Giá Dịch Vụ Quản Lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ * NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng * số ngày thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá Dịch Vụ Quản Lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ * NAV tại ngày định giá cuối tháng * số ngày thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

2. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
b) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ: 0,03%*NAV/năm, tối thiểu 15.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm VAT nếu có).
c) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
   - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) * NAV tại ngày định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

d) Tổng Giá Dịch Vụ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá Dịch vụ Quản Trị Quỹ trong tháng được xác định như sau:
   - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) * NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng * số ngày thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) * NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

a) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho Đại Lý Chuyển Nhượng cho Quỹ.
b) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng
   - Giá Dịch Vụ cố định: 12.000.000 VNĐ/ tháng (chưa bao gồm VAT nếu có)
c) Công thức tính Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
   Giá Dịch Vụ cố định cho kỳ định giá = 12.000.000 VNĐ * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của tháng.

Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ, Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như được nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này sẽ tuân thủ các mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

4. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát

a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ theo biểu phí được quy định tại Hợp đồng lưu ký Giám sát đã ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Stt	Loại dịch vụ	Giá dịch vụ	Tối thiểu/tối đa	Ghi chú
A.I	**Giá dịch vụ lưu ký, giám sát**			
A.1.1	Dịch vụ Lưu ký	0,05%*NAV/Năm	Tối thiểu: 15.000.000 đồng /tháng	
A.1.2	Dịch vụ Giám sát	0,02%*NAV/Năm.	Tối thiểu: 5.000.000 đồng /tháng	Thuế VAT 10%
A.II	**Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ**			
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	100.000 đồng /Mã/ Giao dịch	Không áp dụng	
A.2.2	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết	100.000 đồng /Mã/ Giao dịch	Không áp dụng	
A.2.3	Đối với giao dịch chứng khoán OTC, tài sản khác	Miễn phí		
A.III	**Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)**			
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/ cổ phiếu, CCQ/ tháng; 0,18 đồng/ trái phiếu doanh nghiệp/ tháng 0,14 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/ tháng	Tối đa 2.000.000 đồng/ mã trái phiếu doanh nghiệp/ tháng Tối đa 1.400.000 đồng/ tháng/ mã công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản áp dụng theo biểu giá Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ. Khi BTC thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng.
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/ chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/ 1 mã	Tối đa 300.000đồng/ lần/ mã CK	
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

b) Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Giá Dịch Vụ lưu ký, giám sát (chưa bao gồm Giá Dịch Vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (năm) * NAV tại ngày định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

c) Tổng Giá Dịch Vụ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám sát trong tháng được xác định như sau:
Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (chưa bao gồm Giá Dịch Vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (năm) * NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng * số ngày thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (năm) * NAV tại ngày định giá cuối tháng * số ngày thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

Điều 62. Chi phí hoạt động của Qũy

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

a) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
b) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
c) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện;
d) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
e) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
f) Chi phí sửa đổi Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, Sổ Tay Định Giá;
g) Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật;
i) Chi về bảo hiểm (nếu có);
j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp luật;
l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương XIII

TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 64. Các điều kiện tách Quỹ

1. Điều kiện chia, tách Quỹ:
a) Được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc chia, tách;
b) Các Quỹ hình thành sau khi chia, tách đáp ứng các điều kiện của Luật Chứng Khoán;
c) Các Quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát;
d) Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc chia, tách Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

d) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (6) tháng.

2. Việc thanh lý giải thể Quỹ phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều 36 của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

1. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà Đầu Tư phải được gửi đến địa chỉ của Nhà Đầu Tư đăng ký trong Sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ.

2. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.

3. Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ Nhà Đầu Tư sẽ được coi là gửi cho tất cả những Nhà Đầu Tư còn lại.

4. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà Đầu Tư đã được đăng ký tại Sổ Đăng Ký.

5. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ. Với những Nhà Đầu Tư giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Nhà Đầu Tư trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 5 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

6. Bản Cáo Bạch của Quỹ, Bản Cáo Bạch rút gọn, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo về hoạt động đầu tư của Quỹ, báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý Quỹ bán niên và cả năm, sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống Đại Lý Phân Phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Điều lệ.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động, hạn mức và tài sản đầu tư của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của

pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ sẽ phải báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

4. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều Lệ này, thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 69. Đăng ký điều lệ

1. Điều Lệ sửa đổi lần 2 này bao gồm 15 chương, 70 điều, và 03 phụ lục

2. Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ này.

3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều Lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.

4. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- 02 (hai) bản lưu tại văn phòng Quỹ;
- 01 (một) bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- 01 (một) bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 70. Điều khoản thi hành

1. Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.

2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho Quỹ.

Điều lệ sửa đổi lần 2 của Quỹ được thông qua theo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư năm 2025 tại ngày 22/ 04/ 2025 và Điều lệ sẽ có hiệu lực kể từ ngày 22 / 04 / 2025.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục thành lập quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đính kèm cùng Điều Lệ các phụ lục sau:

Phụ lục số 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục số 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

S.G.P: 36 - C.T.T.N - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM) - Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Soh Jin Wook

Tổng Giám Đốc

Phụ lục số 1.1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 56/GP-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018
Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tuỵ và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
    a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
    b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
    c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ;
    d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

SOHN JIN WOOK

Phụ lục số 1.2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Số Giấy phép hoạt động: số 0100150619-073 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020

Số Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán: số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 01/08/2006

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo bằng những nỗ lực tốt nhất giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám sát

M.S.C.N: 0100150619-073 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Phụ lục số 1.3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 56/GP-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Số Giấy phép hoạt động: số 0100150619-073 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 01/08/2006

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Đại diện của Công Ty Quản Lý Quỹ
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

SOH JIN WOOK

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Phụ lục số 1.4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

A - Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	a. Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá thì Giá được xác định là: Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu có); b. Trường hợp không có giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. c. Trường hợp trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên tính tới ngày định giá, áp dụng theo trường hợp trái phiếu không niêm yết.
7.	Trái phiếu hủy niêm yết do gần đến ngày đáo hạn	Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
8.	Trái phiếu không niêm yết	Giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu

		tiên sau: - Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết	Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch để thực hiện chuyển sàn
13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc

		+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Quyền mua		
15.	Quyền mua cổ phiếu	*Giá trị quyền mua = Max{0, (Giá cổ phiếu – Giá phát hành cổ phiếu mới) x Tỷ lệ thực hiện quyền)}*
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;

- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu cửa tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;

- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.